

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh trình bày Báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") nguyên là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 21/6/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/7/2017 là giai đoạn hoạt động từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đến trước ngày chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Ngày 03/7/2017, Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2300181671, đăng ký lần đầu ngày 14/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/10/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 16/10/2019 là: 57.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi bảy tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là MBN.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 4, đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này, gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Minh Châu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Đăng Thành	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Đức Thắng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Đình Thu	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Văn Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Cảnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nghiêm Thị Oanh	Thành viên
Bà Vũ Thị Nhuận	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Thế Công	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/01/2021
Ông Nguyễn Đình Thu	Phó Giám đốc	
Ông Phạm Nhật Quang	Phó Giám đốc	

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Ngô Minh Châu

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Số: 91/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh được lập ngày 26/3/2022 từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1
Giấy Ủy quyền số 14/2022/UQ-CPA VIETNAM
ngày 03/01/2022 của Phó Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Trần Minh Nghiệp
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 4937-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		70.943.881.205	93.805.276.411
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	29.821.260.943	23.099.652.479
1. Tiền	111		14.821.260.943	23.099.652.479
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.6	-	7.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	7.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.457.321.939	61.951.665.720
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	35.855.101.606	59.850.801.126
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		668.730.885	285.641.530
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	3.558.864.151	3.440.597.767
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(1.625.374.703)	(1.625.374.703)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	2.193.188.036	1.573.291.377
1. Hàng tồn kho	141		2.193.188.036	1.573.291.377
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		472.110.287	180.666.835
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	360.035.812	180.666.835
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	112.074.475	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		111.191.536.428	109.289.349.066
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		102.897.278.082	103.289.194.018
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	102.897.278.082	103.289.194.018
- Nguyên giá	222		150.475.614.253	146.725.136.071
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.578.336.171)	(43.435.942.053)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	609.298.182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	609.298.182
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.6	7.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	5.000.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.294.258.346	390.856.866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	1.294.258.346	390.856.866
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		182.135.417.633	203.094.625.477

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		38.770.050.733	58.637.861.574
I. Nợ ngắn hạn	310		38.770.050.733	58.637.861.574
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	19.684.745.890	37.337.338.574
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		279.105.280	519.232.606
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	3.397.382.265	2.331.357.151
4. Phải trả người lao động	314		9.852.520.021	13.110.889.111
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	173.513.933
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	5.324.710.643	4.955.867.418
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		231.586.634	209.662.781
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		143.365.366.900	144.456.763.903
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	64.739.207.900	65.830.604.903
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.500.000.000	57.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.689.206.050	2.064.609.369
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.550.001.850	6.265.995.534
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	348.646.981
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.550.001.850	5.917.348.553
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		78.626.159.000	78.626.159.000
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		78.626.159.000	78.626.159.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		182.135.417.633	203.094.625.477

Người lập



Phạm Thị Hiền

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thủy

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ngô Minh Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	182.447.993.604	213.981.781.873
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10 = 01-02)	10		182.447.993.604	213.981.781.873
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	167.905.749.772	198.716.100.550
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10-11)	20		14.542.243.832	15.265.681.323
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	739.593.779	864.388.257
7. Chi phí tài chính	22	6.4	-	13.798.504
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	13.798.504
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	9.501.972.543	8.655.418.380
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		5.779.865.068	7.460.852.696
11. Thu nhập khác	31	6.6	103.135.585	305.656.645
12. Chi phí khác	32	6.7	525.772	168.340.577
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		102.609.813	137.316.068
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		5.882.474.881	7.598.168.764
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.198.073.031	1.546.420.211
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.684.401.850	6.051.748.553
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	463	598

Người lập



Phạm Thị Hiền

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thủy

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Chu tịch Hội đồng Quản trị



Ngô Minh Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		217.187.049.567	236.384.668.299
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(117.425.015.172)	(128.295.398.551)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(65.958.702.493)	(65.012.012.091)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(13.798.504)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.146.500.000)	(2.004.972.720)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.543.683.176	6.648.389.266
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(25.321.952.746)	(36.683.240.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.878.562.332	11.023.635.369
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(3.750.478.182)	(6.598.628.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	122.088.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.000.000.000	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(5.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		739.593.779	864.388.257
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.989.115.597	(10.612.152.379)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	9.326.766.492
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(9.326.766.492)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.146.069.465)	(2.878.310.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.146.069.465)	(2.878.310.370)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.721.608.464	(2.466.827.380)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		23.099.652.479	25.566.479.859
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	29.821.260.943	23.099.652.479

Người lập



Phạm Thị Hiền

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thủy

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ngô Minh Châu

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu

Công ty nguyên là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 21/06/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/07/2017 là giai đoạn hoạt động từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đến trước ngày chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Ngày 03/07/2017, Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2300181671, đăng ký lần đầu ngày 14/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/10/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 16/10/2019 là: 57.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi bảy tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là MBN.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 4, đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: 693 người (tại ngày 31/12/2020 là 698 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại và độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hút bể phốt và các dịch vụ đô thị khác.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Đối với Tài sản cố định do Nhà nước giao cho Công ty quản lý được áp dụng theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ công ích và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	8.802.575.496	3.498.069.976
Tiền gửi ngân hàng	6.018.685.447	19.601.582.503
Các khoản tương đương tiền (i)	15.000.000.000	-
Tổng	29.821.260.943	23.099.652.479

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng Thương mại với lãi suất là 3%/năm.

5.2 Phải thu của khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	35.855.101.606	59.850.801.126
Phải thu từ khách hàng thông thường	7.759.227.826	5.370.406.275
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tiên Du	1.014.181.000	314.247.000
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Yên Phong	-	860.188.000
Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng Viglacera - CN Tổng Công ty Viglacera	1.308.464.337	-
Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Từ Sơn	1.319.489.840	-
Các khách hàng khác	4.117.092.649	4.195.971.275
UBND thành phố Bắc Ninh	28.095.873.780	54.480.394.851
Tổng	35.855.101.606	59.850.801.126

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	3.558.864.151	(515.495.000)	3.440.597.767	(515.495.000)
Bảo hiểm xã hội	3.942.182	-	-	-
Tạm ứng	2.083.109.000	-	1.871.776.000	-
Phải thu khác	1.471.812.969	(515.495.000)	1.568.821.767	(515.495.000)
Các hộ dân nhận tiền GPMB thừa DA đường vào KXLCT	331.481.000	(331.481.000)	331.481.000	(331.481.000)
Khu ương cây giống Phù Lãng	184.014.000	(184.014.000)	184.014.000	(184.014.000)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN Kinh Bắc	-	-	161.000.000	-
Chi phí khác	956.317.969	-	892.326.767	-
Tổng	3.558.864.151	(515.495.000)	3.440.597.767	(515.495.000)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.717.139.177	-	1.528.607.857	-
Công cụ, dụng cụ	30.654.495	-	44.683.520	-
Chi phí SXKD dở dang	445.394.364	-	-	-
Tổng	2.193.188.036	-	1.573.291.377	-

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	360.035.812	180.666.835
Công cụ, dụng cụ	360.035.812	180.666.835
b) Dài hạn	1.294.258.346	390.856.866
Công cụ, dụng cụ	159.282.548	100.340.793
Chi phí sửa chữa	1.134.975.798	290.516.073
Tổng	1.654.294.158	571.523.701

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINHSố 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Đầu tư tài chính

	31/12/2021		01/01/2021		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc		Giá hợp lý
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Ngắn hạn						
{1} Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Kinh Bắc	-	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-
Dài hạn						
{1} Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Kinh Bắc	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	-
	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	-
Tổng	2.000.000.000	2.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-

{1} Khoản tiền gửi: 2.000.000.000 đồng, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất 4,8%/năm, ngày đáo hạn: 25/12/2023.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021					
	Tỷ lệ (%)	Quyền nắm giữ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	2,27	2,27	5.000.000.000	(*)	-	5.000.000.000	(*)	-
			5.000.000.000		-	5.000.000.000		-
Tổng			5.000.000.000		-	5.000.000.000		-

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Phải thu khách hàng	1.109.879.703	-	1.109.879.703	-
UBND phường Đại Phúc	279.600.000	-	279.600.000	-
Công ty TNHH Môi trường Tân Trường Lộc	226.968.703	-	226.968.703	-
Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu	12.672.000	-	12.672.000	-
Công ty TNHH Âm thực Khiêu vũ Ba Miên	4.752.000	-	4.752.000	-
BQL Dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	585.887.000	-	585.887.000	-
b) Phải thu khác	515.495.000	-	515.495.000	-
Các hộ dân nhận tiền GPMB thừa DA đường vào KXLCT BVMB tỉnh Bắc Ninh	331.481.000	-	331.481.000	-
Khu ươm cây giống Phù Lãng	184.014.000	-	184.014.000	-
Tổng	1.625.374.703	-	1.625.374.703	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,

Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị QL	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
							Cộng
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại 01/01/2021	27.934.119.927	3.618.650.000	36.177.095.308	369.111.836	78.626.159.000	146.725.136.071	
Tăng trong năm	-	-	3.750.478.182	-	-	3.750.478.182	
- Mua trong năm	-	-	3.750.478.182	-	-	3.750.478.182	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 31/12/2021	27.934.119.927	3.618.650.000	39.927.573.490	369.111.836	78.626.159.000	150.475.614.253	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2021	19.446.774.565	1.544.761.104	22.093.127.496	351.278.888	-	43.435.942.053	
Tăng trong năm	934.636.464	240.658.332	2.951.432.650	15.666.672	-	4.142.394.118	
- Khấu hao trong năm	934.636.464	240.658.332	2.951.432.650	15.666.672	-	4.142.394.118	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 31/12/2021	20.381.411.029	1.785.419.436	25.044.560.146	366.945.560	-	47.578.336.171	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2021	8.487.345.362	2.073.888.896	14.083.967.812	17.832.948	78.626.159.000	103.289.194.018	
Tại ngày 31/12/2021	7.552.708.898	1.833.230.564	14.883.013.344	2.166.276	78.626.159.000	102.897.278.082	

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 27.761.522.630 VND (tại ngày 31/12/2020 là 24.306.392.863 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	19.684.745.890	19.684.745.890	37.337.338.574	37.337.338.574
Công ty TNHH Thương mại và Cảnh quan Cuộc sống xanh	2.362.175.433	2.362.175.433	3.612.488.252	3.612.488.252
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thương mại Hà Thành	-	-	2.059.820.270	2.059.820.270
Công ty TNHH SX TM và DV Môi trường Tín Nghĩa	1.648.101.943	1.648.101.943	1.642.491.339	1.642.491.339
Công ty TNHH xây dựng Lập Thành	5.316.094	5.316.094	3.467.805.434	3.467.805.434
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại 299	1.872.790.949	1.872.790.949	-	-
Các đối tượng khác	13.796.361.471	13.796.361.471	26.554.733.279	26.554.733.279
Tổng	19.684.745.890	19.684.745.890	37.337.338.574	37.337.338.574

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2021
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.477.143.968	6.107.639.825	4.221.234.286	3.363.549.507
Thuế thu nhập doanh nghiệp	836.352.494	1.198.073.031	2.034.425.525	-
Thuế thu nhập cá nhân	17.860.689	50.936.584	34.964.515	33.832.758
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.558.429.840	1.558.429.840	-
Các loại thuế	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng	2.331.357.151	8.918.079.280	7.852.054.166	3.397.382.265
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	112.074.475	112.074.475
Tổng	-	-	112.074.475	112.074.475

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Phải trả khác	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.324.710.643	4.955.867.418
Kinh phí công đoàn	142.832.001	64.990.198
Bảo hiểm xã hội	-	256.626
Bảo hiểm y tế	3.050.335	-
Bảo hiểm thất nghiệp	201.790	-
Phải trả về CPH	{1} 44.528.000	44.528.000
Ngân sách UBND tỉnh Bắc Ninh	54.905.400	54.194.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.079.193.117	4.791.898.594
Cụ thể:		
<i>Dự án công viên Nguyễn Văn Cừ (bảo hành)</i>	<i>801.251.000</i>	<i>801.251.000</i>
<i>Công ty xây dựng Việt Đức (bảo hành)</i>	<i>587.360.000</i>	<i>587.360.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Môi Trường và CTĐT Bắc Ninh</i>	<i>521.738.000</i>	<i>521.738.000</i>
<i>ĐA đường vào KXLCT BVMB tỉnh Bắc Ninh (bảo hành)</i>	<i>1.657.988.000</i>	<i>1.657.988.000</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>1.510.856.117</i>	<i>1.222.850.194</i>
b) Dài hạn	-	-
Tổng	5.324.710.643	4.955.867.418
{1} Phải trả các tổ chức, cá nhân về cổ phần hóa	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Số phải trả về cổ phần hóa	144.620.000	144.620.000
Chi phí cho tổ giúp việc (trích)	(83.592.000)	(83.592.000)
Chi phí cho tổ giúp việc (phân loại từ TK 3388)	11.000.000	11.000.000
Phí tư vấn theo Hợp đồng số 23/2017/APEC.TVDN	(27.500.000)	(27.500.000)
Tổng	44.528.000	44.528.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Vốn chủ sở hữu

a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại ngày 01/01/2020	57.500.000.000	-	1.134.410.018	6.549.975.989	65.184.386.007	
- Lãi trong năm	-	-	-	6.051.748.553	6.051.748.553	
- Bổ sung quỹ	-	-	930.199.351	-	930.199.351	
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.259.129.657)	(2.259.129.657)	
- Trích Quỹ thường ban quản lý điều hành công ty	-	-	-	(137.000.000)	(137.000.000)	
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(930.199.351)	(930.199.351)	
- Chia cổ tức	-	-	-	(2.875.000.000)	(2.875.000.000)	
- Thù lao HĐQT, BKS không điều hành	-	-	-	(134.400.000)	(134.400.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2020	57.500.000.000	-	2.064.609.369	6.265.995.534	65.830.604.903	
Số dư tại ngày 01/01/2021	57.500.000.000	-	2.064.609.369	6.265.995.534	65.830.604.903	
- Lãi trong năm	-	-	-	4.684.401.850	4.684.401.850	
- Bổ sung quỹ	-	-	624.596.681	-	624.596.681	
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.273.398.853)	(2.273.398.853)	
- Trích Quỹ thường ban quản lý điều hành công ty	-	-	-	(205.500.000)	(205.500.000)	
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(624.596.681)	(624.596.681)	
- Chia cổ tức	-	-	-	(3.162.500.000)	(3.162.500.000)	
- Thù lao HĐQT, BKS không điều hành	-	-	-	(134.400.000)	(134.400.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2021	57.500.000.000	-	2.689.206.050	4.550.001.850	64.739.207.900	

{i} Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2020 đã được thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Theo đó, Quỹ đầu tư phát triển sẽ được trích lập: 1.410.349.700 VND. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2021, Quỹ đầu tư phát triển mới được trích lập là: 624.596.681 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b) Chi tiết Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
UBND tỉnh Bắc Ninh	37.151.540.000	37.151.540.000
Cổ đông khác	20.348.460.000	20.348.460.000
Tổng	57.500.000.000	57.500.000.000

c) Các giao dịch về vốn

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	57.500.000.000	57.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	57.500.000.000	57.500.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.750.000	5.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.750.000	5.750.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.750.000	5.750.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	5.750.000	5.750.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND / Cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu dịch vụ công ích	153.020.381.749	186.818.131.549
Doanh thu dịch vụ ngoài công ích	29.427.611.855	27.163.650.324
Tổng	182.447.993.604	213.981.781.873

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn dịch vụ công ích	140.998.336.717	173.306.044.388
Giá vốn dịch vụ ngoài công ích	26.907.413.055	25.410.056.162
Tổng	167.905.749.772	198.716.100.550

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	739.593.779	864.388.257
Tổng	739.593.779	864.388.257

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	-	13.798.504
Tổng	-	13.798.504

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.5 Chi phí Quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.817.141.566	2.420.805.717
Chi phí vật liệu quản lý	-	3.096.712
Chi phí khấu hao TSCĐ	723.268.848	731.304.424
Thuế, phí và lệ phí	1.612.856.891	1.719.129.279
Chi phí dự phòng	-	87.208.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	493.221.500	404.470.637
Chi phí bằng tiền khác	3.855.483.738	3.289.402.811
Tổng	9.501.972.543	8.655.418.380

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu về cho thuê địa điểm kinh doanh ki-ốt	-	74.090.910
Thanh lý Tài sản cố định	-	110.989.091
Thanh lý vật tư cũ, hỏng	103.104.358	-
Thu nhập khác	31.227	120.576.644
Tổng	103.135.585	305.656.645

6.7 Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế và phạt hành chính	-	133.932.291
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	18.726.364
Chi phí khác	525.772	15.681.922
Tổng	525.772	168.340.577

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.882.474.881	7.598.168.764
Các khoản điều chỉnh		
- Chi phí không được trừ	107.890.274	133.932.291
+ <i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>107.890.274</i>	<i>133.932.291</i>
Tổng thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.990.365.155	7.732.101.055
Thuế suất	20%	20%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.198.073.031	1.546.420.211

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.684.401.850	6.051.748.553
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.022.843.790)	(2.613.298.853)
+ <i>Trích Quỹ KT, PL và trả thù lao Ban điều hành</i>	<i>(2.022.843.790)</i>	<i>(2.613.298.853)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	2.661.558.060	3.438.449.700
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân (Cổ phiếu)	5.750.000	5.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	463	598

Lợi nhuận dự kiến giữ lại để phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi và trả thù lao Ban Điều hành của năm 2021 là số liệu ước tính được tính dựa trên tỷ lệ đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và trả thù lao Ban Điều hành năm 2020 và Lợi nhuận sau thuế năm 2021. Số liệu chính thức sẽ do Đại hội đồng Cổ đông năm 2022 thông qua.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	41.713.102.645	45.256.308.220
Chi phí nhân công	82.677.353.728	96.235.020.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.142.394.118	3.719.560.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.427.769.397	50.912.597.654
Chi phí bằng tiền khác	11.190.055.795	11.882.797.377
Tổng	180.150.675.683	208.006.284.952

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin bên liên quan

Thông tin

Đối tượng

Quan hệ

Cá nhân

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

Các thành viên giữ chức vụ quan trọng và tham gia điều hành Công ty

và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan của Công ty

Bao gồm:

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Ngô Minh Châu

Chủ tịch HĐQT

Vũ Đăng Thành

Phó Chủ tịch HĐQT

Vũ Văn Cường

Thành viên HĐQT

Vũ Đức Thắng

Thành viên HĐQT

Nguyễn Thế Công

Giám đốc

Nguyễn Đình Thu

Phó Giám đốc

Phạm Nhật Quang

Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Nguyễn Văn Cảnh

Trưởng ban

Nghiêm Thị Oanh

Thành viên

Vũ Thị Nhuận

Thành viên

7.2 Giao dịch với bên liên quan

Thu nhập của Ban điều hành	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành		1.462.171.972	1.274.400.000
Ngô Minh Châu	Chủ tịch HĐQT	411.900.000	393.350.000
Vũ Đăng Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	50.400.000	50.400.000
Vũ Văn Cường	Thành viên HĐQT	50.400.000	50.400.000
Vũ Đức Thắng	Thành viên HĐQT	50.400.000	151.350.000
Nguyễn Thế Công	Giám đốc	252.346.972	-
Nguyễn Đình Thu	Phó Giám đốc	356.325.000	351.650.000
Phạm Nhật Quang	Phó Giám đốc	290.400.000	277.250.000
Ban kiểm soát		464.203.756	470.770.573
Nguyễn Văn Cảnh	Trưởng ban	290.700.000	290.150.000
Nghiêm Thị Oanh	Thành viên	139.903.756	147.020.573
Vũ Thị Nhuận	Thành viên	33.600.000	33.600.000
Tổng		1.926.375.728	1.745.170.573

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Phạm Thị Hiền

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thủy

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ngô Minh Châu

